



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 18/01/2026 (Sunday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3.6	23:55	03:00	↙
0.7	07:39	11:30	↗
3.7	15:10	18:45	↙
2.9	20:06	23:30	↗
3.7	00:37	03:45	↙

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	N.Dũng	KMTC HAIPHONG	8.8	173	18,370	P/s3 - CL4	06:00	//	A2-A5
2	P.Hung	CATLAI EXPRESS	9.2	172	18,848	P/s3 - BNPH	08:00	//1130	A2-A3
3	N.Cường - Anh	ARCHER	10.5	223	27,779	P/s3 - CL4-5	14:00	//1700	A1-A6
4	V.Hải	JOSCO LUCKY	8	172	18,885	H25 - TCHP	14:30	SR	08-12
5	P.Tuấn	EVER WARM	9	172	27,145	P/s3 - CL1	14:00	//1700	A3-A5
6	Đặng	CMA CGM KAILAS	9.9	197	21,971	P/s3 - CL5	16:30	Cano DL	A1-A6
7	Kiên	SINAR SANUR	10.2	172	19,944	P/s3 - CL4	17:00	//1900	A2-A5
8	Giang	TD 55	3	53	299	P/s1 - CL2	16:00		01
9	V.Hoàng	NORDBORG MAERSK	9.2	172	26,255	P/s3 - CL7	19:30	//	A3-A5
10	Hồng	SITC WENDE	9.9	172	18,724	P/s3 - BNPH	00:00	// 04.00	
11	Đ.Long	TPC-TK-05; TPC-SL-15	6	190	6,257	H25 - CanGio	12:30	ĐX	

No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	M.Tùng	BRIGHT SAKURA	10.5	186	29,622	P/s3 - CM4	05:30	MP-VTX	A9-A10
2	Đ.Chiến - Th.Hùng	ONE MACKINAC	13.6	366	153,453	CM3 - P/s3	15:00	MP-3NM-DL	MR-KS-AWA
3	Đức - Trung	CAUTIN	13.5	300	93,685	CM2 - P/s3	20:00	MP-VTX	KS-AWA
4	Đào	HAIAN DELL	8.5	172	17,280	P/s3 - CM2	22:00	Y/c MT	KS-AWA
5	Thịnh - T.Tùng	HMM HOPE	11.2	366	142,620	P/s3 - CM3	15:00	Y/c MP	MR-KS-AWA
6	N.Hoàng	BRIGHT SAKURA	10.5	186	29,622	CM4 - P/s3	23:00	MP-VTX	A9-A10

No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Phú	MAERSK HAI PHONG	9.5	186	32,828	CL4-5 - P/s3	02:00	Cano DL	A1-A6
2	Tân	SKY RAINBOW	7.8	173	17,944	BNPH - P/s3	04:00		A3-01
3	Vinh	SKY SUNSHINE	7.5	172	17,853	CL4 - P/s3	05:00		A2-A5
4	M.Hùng	YONG SHENG 98	5.6	122	7,921	TCHP - H25	10:00	SR	08-12

5	M.Cường	SINAR BANGKA	9.2	147	12,563	TCHP - H25	16:30	SR	08-12
6	Đ.Minh	SITC WENDE	8.5	172	18,724	BNPH - P/s3	11:30		A3-TM
7	H.Trường	EVER OUTDO	9	195	27,025	CL4-5 - P/s3	17:00	Cano DL	A1-A6
8	N.Trường	VIET THUAN 09	3.5	80	3,260	CanGio - H25	13:00	SR	
9	P.Cần	HONG AN	8.9	172	18,724	CL1 - P/s3	17:00		A3-A5
10	Quyết	TIANJIN VOYAGER	10.4	186	29,764	BP6 - P/s3	17:30	Cano DL	A1-A3
11	N.Minh	WAN HAI 360	10.5	204	30,776	CL3 - P/s3	12:00		A1-A3
12	Uy	KMTC HAIPHONG	9.5	173	18,370	CL4 - P/s3	20:00		A2-A5
13	M.Hải	SAWASDEE ATLANTIC	9.7	172	18,051	CL5 - P/s3	19:30		A1-A6
14	Duyệt	SITC HAODE	9.5	172	19,011	CL7 - P/s3	17:30		A2-A3
15	Quyền	TD 55	3	53	299	CL2 - H25	23:00	SR	01
16	Duy	TRUONG AN 03	3.2	111	3,640	CanGio - H25	18:00	ĐX	
17	Chính	VIET THUAN 10	3.6	80	3,260	CanGio - G6	13:00	ĐX	
18	Nghị	TPC206-TK02+TPC206-SL02	2.6	190	6,257	CanGio - H25	14:00	ĐX	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Nghị	TIANJIN VOYAGER	10.4	186	29,764	CL5 - BP6	02:00	Cano DL	A2-A5
2	Q.Hưng - H.Thanh	TPC206-TK02+TPC206-SL02	2.6	190	6,257	CanGio - CanGio	07:30		
3	A.Tuấn	YM CONSTANCY	10.6	210	32,720	BP7 - CL3	12:00		A1-A6
4	A.Dũng	WAN HAI 360	10.5	204	30,776	CL3 - BP7	12:00		A3-A5